

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ P
TỈNH GIA LAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 17/2022/HNGĐ-ST
Ngày 21 tháng 4 năm 2022
Về việc ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ P, TỈNH GIA LAI**

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hoàng Văn Tiến

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Doãn Thị Lệ

Ông Trần Phan Quốc Chương

-Thư ký phiên tòa: Ông Diệp Bảo Kiệt - Cán bộ Tòa án nhân dân thành phố P, tỉnh Gia Lai.

Ngày 21 tháng 4 năm 2022 tại Hội trường xét xử của Tòa án nhân dân thành phố P, tỉnh Gia Lai xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 125/2022/TLST-HNGĐ ngày 07 tháng 3 năm 2022 về việc *ly hôn* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 31/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 08 tháng 4 năm 2022, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Thanh H (Nguyễn Thanh H), sinh năm 1966 (Có mặt).

Địa chỉ: Hẻm 54 Phạm Văn Đ, thành phố P, tỉnh Gia Lai.

CMND số 2303320520, cấp ngày 16/6/2008. Nơi cấp: Công an tỉnh Gia Lai.

Bị đơn: Anh Đỗ Cao N, sinh năm 1967 (Có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

Địa chỉ: Hẻm 54 Phạm Văn Đ, thành phố P, tỉnh Gia Lai.

CCCD số 064067004056, cấp ngày 21/12/2021.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 02 tháng 3 năm 2022, bản tự khai và tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn là chị Nguyễn Thị Thanh H (Nguyễn Thanh H) trình bày:

Tôi và anh Đỗ Cao N tự nguyện chung sống với nhau và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường Yên Đ, thành phố P, tỉnh Gia Lai vào năm 1992. Cuộc sống của hai vợ chồng ngay từ đầu đã không có hạnh phúc, đã ly thân hơn 20 năm. Nguyên nhân do hai bên bất đồng quan điểm sống, anh N thường xuyên ngoại tình với người phụ nữ khác, hay uống rượu say sưa, quậy phá, làm mất trật tự trị an, từng nhiều lần bị công an các phường can thiệp giải quyết. Anh N có hành vi bạo lực gia đình, đánh đập vợ con, đuổi vợ con ra khỏi nhà. Trong suốt quá trình chung sống anh N không hề có trách nhiệm gì đối với gia đình, không đóng góp quan tâm, chăm sóc, nuôi dạy con, tạo dựng gia đình, lo công việc trong nhà, bản thân tôi một

mình nuôi con. Ngoài ra anh N còn có hành vi quấy phá, nhắn tin, gọi điện có lời lẽ xúc phạm, sỉ nhục cha mẹ tôi. Vì vậy tôi nhận thấy sức chịu đựng của mình không thể kéo dài được nữa, vợ chồng không có tình cảm chung, không có quan điểm chung, cuộc sống chung nên đề nghị Tòa án cho chúng tôi được ly hôn.

* Về con chung: Trong quá trình chung sống, tôi và anh N có hai con chung là Đỗ Phương Huyền N1, sinh ngày 10/12/1991 và Đỗ Quang N2, sinh ngày 30/11/1993. Các con đều đã trưởng thành và sống tự lập được.

* Về tài sản chung và nợ chung: Tôi không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Án phí ly hôn, tôi tự nguyện chịu toàn bộ.

Tôi cam đoan tên Nguyễn Thanh H, Nguyễn Thị Thanh H là một người (là tôi).

Tại đơn đề nghị xét xử vắng mặt bị đơn anh Đỗ Cao N trình bày:

Tôi và bà Nguyễn Thị Thanh H (Nguyễn Thanh H), tự nguyện đăng ký kết hôn năm 1992 tại Ủy ban nhân dân phường Yên Đ, thành phố P, tỉnh Gia Lai. Quá trình chung sống, vợ chồng có hai con chung là cháu Đỗ Phương Huyền N1, sinh ngày 10/12/1991 và Đỗ Quang N2, sinh ngày 30/11/1993, hiện các cháu đã trưởng thành và sống tự lập được. Trong đời sống vợ chồng, không được hòa thuận, hạnh phúc, có nhiều mâu thuẫn, nay bà Nguyễn Thị Thanh H có đơn yêu cầu Tòa án giải quyết việc ly hôn của vợ chồng. Tôi nhận thấy vợ chồng sống không còn hạnh phúc nên đồng ý ly hôn với bà Nguyễn Thị Thanh H. Hiện nay do sức khỏe của tôi không được tốt và công việc đi lại khó khăn nên tôi không thể trực tiếp đến Tòa án tham gia việc giải quyết vụ án.

Vì vậy, tôi làm đơn này đề nghị xin được vắng mặt trong tất cả các buổi làm việc của Tòa án và xin được vắng mặt trong tất cả các phiên xét xử của Tòa án. Đề nghị Tòa án xem xét và giải quyết vụ án cho vợ chồng tôi được ly hôn. Tôi cam đoan không có bất kỳ khiếu nại, thắc mắc gì.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có tại hồ sơ vụ án và lời khai tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa; trên cơ sở xem xét, đánh giá các tài liệu, chứng cứ Hội đồng xét xử nhận định về vụ án như sau:

[1] Chị Nguyễn Thị Thanh H (Nguyễn Thanh H) và anh Đỗ Cao N tự do đăng ký kết hôn vào năm 1992, tại Ủy ban nhân dân phường Yên Đ, thành phố P, tỉnh Gia Lai trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện tìm hiểu yêu thương nhau. Quan hệ giữa chị H và anh N được đăng ký theo đúng trình tự, thủ tục và đúng cơ quan nhà nước có thẩm quyền, không vi phạm những trường hợp cấm kết hôn nên đây là cuộc hôn nhân hợp pháp được pháp luật tôn trọng và bảo vệ. Nay chị H có đơn khởi kiện yêu cầu ly hôn với anh N. Đây là vụ án tranh chấp về ly hôn, bị đơn có địa chỉ cư trú trên địa bàn thành phố P, tỉnh Gia Lai nên thuộc thẩm quyền giải

quyết của Tòa án nhân dân thành phố P theo loại việc, theo lãnh thổ và theo cấp xét xử.

[2] Đối với bị đơn anh Đỗ Cao N, trong quá trình chuẩn bị xét xử đã được Tòa án thông báo hợp lệ để anh N thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình, anh N xin được vắng mặt tại tất cả các buổi làm việc và các phiên tòa xét xử. Vì vậy Hội đồng xét xử tiếp tục xét xử, giải quyết vụ án vắng mặt anh N theo quy định tại Điều 227, 228 của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

[3] Về yêu cầu ly hôn của chị H đối với anh N. Hội đồng xét xử xét thấy, theo chị H sau khi đăng ký kết hôn và về chung sống với nhau cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc, phát sinh nhiều mâu thuẫn. Theo chị H nguyên nhân mâu thuẫn là do hai vợ chồng không hợp tính tình, không cùng quan điểm sống, anh N không chung thủy và có hành vi bạo lực gia đình. Nay chị H xin ly hôn anh N cũng đồng ý ly hôn với chị H nhưng xin được xét xử vắng mặt, vì cuộc sống vợ chồng không hòa thuận, hạnh phúc, có nhiều mâu thuẫn. Vì vậy có cơ sở xác định vợ chồng không còn tình cảm, mâu thuẫn đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Cho chị H được ly hôn với anh N là có căn cứ theo quy định tại Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình.

[4] Về con chung: Chị H và anh N có hai con chung là cháu Đỗ Phương Huyền N1, sinh ngày 10/12/1991 và Đỗ Quang N2, sinh ngày 30/11/1993. Các con đều đã trưởng thành và sống tự lập được.

[5] Về tài sản chung và nợ chung: Hai bên không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét và không đề cập đến trong phần quyết định.

[6] Về tiền án phí: Chị Nguyễn Thị Thanh H (Nguyễn Thanh H) tự nguyện chịu toàn bộ án phí ly hôn sơ thẩm sung quỹ Nhà nước.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ Điều 5; Khoản 1 Điều 28; điểm a Khoản 1 Điều 35; điểm a Khoản 1 Điều 39; các Điều 70, 91, 227, 228, 235, 266 của Bộ luật Tố tụng Dân sự;

- Áp dụng Khoản 1 Điều 51; Khoản 1 Điều 53; Điều 54; Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Thanh H (Nguyễn Thanh H).

1. Về hôn nhân: Cho chị Nguyễn Thị Thanh H (Nguyễn Thanh H) được ly hôn với anh Đỗ Cao N.

2. Về con chung:

Chị H và anh N có hai con chung là cháu Đỗ Phương Huyền N1, sinh ngày 10/12/1991 và Đỗ Quang N2, sinh ngày 30/11/1993. Các con đều đã trưởng thành

và sống tự lập được.

Căn cứ các Điều 143, 144, 147, 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng Dân sự; Điều 24, 26 của Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội

Chị Nguyễn Thị Thanh H (Nguyễn Thanh H) tự nguyện chịu 300.000đ tiền án phí ly hôn để sung quỹ Nhà nước, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị H đã nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng), theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0001379, ngày 04/3/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố P, tỉnh Gia Lai. Chị H đã nộp đủ tiền án phí ly hôn.

Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án hôm nay, đương sự có quyền kháng cáo bản án này để yêu cầu Toà án nhân dân tỉnh Gia Lai xét xử phúc thẩm. Người vắng mặt có quyền kháng cáo kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai tại nơi cư trú.

**T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- TAND tỉnh;
- VKSND TP.P;
- Các đương sự;
- THA DS TP.P (Để thi hành);
- UBND phường Yên Đ, thành phố P,
Tỉnh Gia Lai (số 10, ngày 22/01/1992);
- Lưu.

Hoàng Văn Tiến